

Phụ lục I
NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH
ĐỐI TƯỢNG VÀ THỦ TỤC TUYỂN SINH HỆ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Ngành và chuyên ngành tuyển sinh

Mã chuyên ngành	Tên ngành và chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Tên ngành và chuyên ngành
1. Ngành Kinh tế (mã ngành 52310101), gồm các chuyên ngành:			
47.01	Kinh tế và Quản lý đô thị	47.07	Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn
47.02	Kế hoạch	47.08	Kinh tế đầu tư
47.03	Kinh tế phát triển	47.09	Kinh tế quốc tế
47.04	Kinh tế và Quản lý môi trường	47.10	Kinh tế học
47.05	Quản lý kinh tế	47.11	Thẩm định giá
47.06	Kinh tế và Quản lý công	47.12	Hải quan
2. Toán ứng dụng trong kinh tế (mã ngành 52310102), gồm các chuyên ngành:			
47.13	Toán kinh tế	47.14	Toán tài chính
3. Thống kê kinh tế (mã ngành 52310103)			
47.15	Thống kê kinh tế xã hội	47.16	Thống kê kinh doanh
4. Kinh tế tài nguyên (mã ngành 52310104), gồm các chuyên ngành:			
47.17	Kinh tế tài nguyên		
5. Ngành Quản trị kinh doanh (mã ngành 52340101), gồm các chuyên ngành:			
47.18	Thương mại quốc tế	47.21	Quản trị chất lượng
47.19	Quản trị kinh doanh tổng hợp	47.22	QTKD quốc tế
47.20	Quản trị doanh nghiệp	47.23	QTKD thương mại
6. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã ngành 52340103), gồm các chuyên ngành:			
47.24	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
7. Marketing (mã ngành 52340115), gồm các chuyên ngành:			
47.25	Quản trị marketing	47.27	Truyền thông marketing
47.26	Quản trị bán hàng		
8. Bất động sản (mã ngành 52340116), gồm các chuyên ngành:			
47.28	Kinh doanh bất động sản	47.29	Kinh tế bất động sản và địa chính
9. Ngành Tài chính – Ngân hàng (mã ngành 52340201), gồm các chuyên ngành:			
47.30	Tài chính doanh nghiệp	47.33	Ngân hàng
47.31	Tài chính công	47.34	Bảo hiểm
47.32	Tài chính quốc tế		
10. Ngành Kế toán (mã ngành 52340301), gồm các chuyên ngành:			
47.35	Kế toán tổng hợp		
11. Quản trị nhân lực (mã ngành 52340404), gồm các chuyên ngành:			
47.36	Quản trị nhân lực		
12. Hệ thống thông tin (mã ngành 52340405), gồm các chuyên ngành:			
47.37	Tin học Kinh tế	47.38	Hệ thống thông tin quản lý
13. Ngành Luật học (mã ngành 52380101), gồm các chuyên ngành:			
47.39	Luật kinh doanh	47.40	Luật kinh doanh quốc tế
14. Khoa học máy tính (mã ngành 52480101), gồm các chuyên ngành:			
47.41	Công nghệ thông tin		

Ghi chú: Mã ngành được ghi đúng theo thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/04/2010 của Bộ Giáo dục Đào tạo Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học; Mã chuyên ngành chỉ là mã quy ước trong tuyển sinh VLVH.

2. Đối tượng và thủ tục tuyển sinh:

1) Đối tượng và điều kiện dự thi

(1) Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế, có đủ các điều kiện dưới đây đều được dự thi tuyển sinh:

a) Đã tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là trung học hoặc tương đương, viết tắt là TH);

b) Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, **trung học nghề**, trung cấp nghề (sau đây gọi chung là trung học);

Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa trung học phổ thông đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT.

c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, hiệu trưởng xem xét, quyết định.

d) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí đăng ký dự thi.

(2) Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự thi:

a) Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;

b) Những người bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ thời hạn quy định tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi.

c) Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

2) Chính sách và thủ tục giấy tờ ưu tiên cộng điểm

a) Chính sách ưu tiên theo đối tượng

Nhóm ưu tiên và đối tượng ưu tiên	Giấy tờ cần có
Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:	
- <i>Đối tượng 01</i> : công dân Việt Nam có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.	Giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận của UBND xã (phường)
- <i>Đối tượng 02</i> : công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 60 tháng trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua, được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.	Quyết định giao việc, chứng nhận thời gian làm việc, Quyết định công nhận CSTĐ và tặng bằng khen của UBND tỉnh, TP

Nhóm ưu tiên và đối tượng ưu tiên	Giấy tờ cần có
<p>- <i>Đối tượng 03</i>: Người lao động thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, người được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Người làm việc đủ 60 tháng trở lên thi vào đúng ngành đã được đào tạo;</p>	<p>Quyết định công nhận thợ giỏi của UBND tỉnh, TP, QĐ cấp bằng hoặc huy hiệu sáng tạo của TLĐLĐVN hoặc TW Đoàn TNCS HCM Quyết định giao việc, chứng nhận thời gian làm việc của đơn vị</p>
<p>- <i>Đối tượng 04</i>:</p> <p>04.1 Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh;</p> <p>04.2 Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại khu vực 1; Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;</p> <p>04.3 Quân nhân, công an nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đã xuất ngũ có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;</p>	<p>GCN thương binh, bệnh binh</p> <p>Lệnh gọi nhập ngũ và GCN thời gian phục vụ của thủ trưởng đơn vị.</p> <p>Quyết định xuất ngũ</p>
<p>- <i>Đối tượng 05</i>:</p> <p>05.1 Con liệt sĩ; Con thương binh hoặc con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động 81% trở lên;</p> <p>05.2 Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động.</p> <p>05.3 Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học;</p> <p>05.4 Công nhân viên chức có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên tại khu vực 1.</p>	<p>GCN Tổ quốc ghi công, GCN thương binh, bệnh binh... của người cha (hoặc mẹ) hoặc giấy chứng nhận của phòng TBXH huyện (quận), thị xã, TP thuộc tỉnh.</p> <p>Quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng của Chủ tịch nước cho người cha (hoặc mẹ)</p> <p>QĐ công nhận của UBND tỉnh (TP)</p> <p>Quyết định giao việc, chứng nhận thời gian làm việc của đơn vị</p>
<p>Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:</p>	

Nhóm ưu tiên và đối tượng ưu tiên	Giấy tờ cần có
<p>- <i>Đối tượng 06:</i></p> <p>06.1 Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở khu vực 1</p> <p>06.2 Công nhân viên chức có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên không ở khu vực 1.</p>	<p>Lệnh gọi nhập ngũ và GCN thời gian phục vụ của thủ trưởng đơn vị.</p> <p>Quyết định giao việc, chứng nhận thời gian làm việc của trưởng đơn vị</p>
<p>- <i>Đối tượng 07:</i> Con thương binh hoặc con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động dưới 81%;</p>	<p>Bản sao GCN thương binh, bệnh binh... của người cha (hoặc mẹ) hoặc giấy chứng nhận của phòng TBXH huyện (quận), thị xã, TP thuộc tỉnh</p>

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành dự thi là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi.

Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng ưu tiên kế tiếp là 1 điểm.

b) Chính sách ưu tiên theo khu vực:

Xét ưu tiên khu vực	Giấy tờ cần có
<p>Ưu tiên khu vực được xác định theo nơi làm việc hoặc theo nơi học và tốt nghiệp trung học:</p> <p>- Người có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi học và tốt nghiệp trung học trước khi đi làm việc, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên theo khu vực cao hơn.</p>	<p>Xét theo thời gian làm việc cần có Quyết định giao việc, chứng nhận thời gian làm việc của đơn vị. Xét theo nơi học và TN trung học chỉ cần khai rõ quá trình học THPT (phần quá trình học tập và làm việc trong phiếu tuyển sinh) và bản sao học bạ học THPT</p>
<p>- Người học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó.</p>	<p>Căn cứ phần khai quá trình học THPT (phần quá trình học tập và làm việc trong phiếu tuyển sinh) và học bạ học THPT</p>

Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo, trong đó có các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Khu vực 2 – nông thôn (KV2 - NT) gồm: Các xã, thị trấn không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thành phố trực thuộc tỉnh (không trực thuộc Trung ương); các thị xã; các huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

- Khu vực 3 (KV3) gồm: các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 điểm.

Thí sinh phải tự khai rõ đặc điểm ưu tiên kèm theo các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (bản sao hợp lệ) theo quy định ở trên trong hồ sơ và chỉ được hưởng 1 chế độ ưu tiên cao nhất mà mình có. Thí sinh không khai đặc điểm ưu tiên hoặc không nộp giấy tờ chứng nhận ưu tiên hợp pháp theo quy định trên, hoặc giấy tờ ưu tiên đã nộp không hợp pháp đều không được xét ưu tiên. Trường không nhận và không xem xét giấy tờ ưu tiên khi đã thi tuyển.

3) Thủ tục hồ sơ thi tuyển sinh

(1) **Hồ sơ** gồm có:

a) Phiếu đăng ký dự thi (Trường in và phát hành theo mẫu của Bộ GD&ĐT) được Ủy ban nhân dân xã (phường) (đối với những người chưa có việc làm) hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị (đối với những người đã có việc làm) xác nhận trong thời gian 6 tháng tính đến ngày thi tuyển;

b) 04 ảnh chân dung cỡ 3x4 cm trong thời hạn 6 tháng tính từ ngày chụp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi; có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh ở mặt sau ảnh.

c) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có) theo quy định ở điểm 2 phụ lục này;

d) Bản chính và bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp trung học (bản chính kiểm tra xong Trường trả lại ngay cho thí sinh) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời trung học (đối với những người dự thi ngay trong năm tốt nghiệp)

đ) 02 phong bì dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh (Trường dùng phong bì này để gửi giấy báo thi, giấy báo kết quả thi cho thí sinh, vì vậy thí sinh cần ghi rõ, đầy đủ địa chỉ theo quy định của bưu điện)

Tất cả giấy tờ đựng trong phong bì cỡ 25x35cm.

Mẫu hồ sơ (gồm các loại mẫu giấy tờ ghi ở điểm a, đ ở trên) do Trường thống nhất phát hành. Khoa Đại học Tại chức phát hành mẫu hồ sơ cho các điểm thi tại trường và các đơn vị phối hợp đào tạo trước khi phát hành hồ sơ. Chỉ những hồ sơ do Khoa Đại học Tại chức phát hành mới được thu nhận.

Trường không nhận hồ sơ nộp muộn, thiếu 1 trong các giấy tờ, thủ tục quy định tại các điểm a, b, d, đ ở trên, như hồ sơ chưa có văn bằng, làm không đúng mẫu, phôi tô lại mẫu, mẫu không do trường phát hành, khai không đầy đủ các nội dung, tẩy xóa các nội dung, viết thêm sau khi đã được đơn vị xác nhận, nội dung giữa các giấy tờ có mâu thuẫn với nhau, đơn vị xác nhận

hồ sơ không đúng quy định, hồ sơ nhờ người khác khai hộ, khai thêm, nộp hồ Văn bằng tẩy chữa, dập xoá, không rõ ràng, không rõ nguồn gốc cấp phát...

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển tại kỳ thi và địa điểm thi nào chỉ được xét dự thi cho kỳ thi tại địa điểm thi đó. Hồ sơ đã nộp Trường không trả lại cho thí sinh, không hoàn lệ phí đã nộp.

Thí sinh có đầy đủ các điều kiện quy định tại thông báo này được dự thi (gọi chung là đủ điều kiện dự thi). Trường sẽ có giấy báo cho các thí sinh dự thi trước ngày thi 15 ngày, và thông báo ngày thi trên trang web của trường, của Khoa Đại học Tại chức.

3. Khối và Môn thi : thi tuyển theo khối A với 3 môn thi là Toán, Vật lý và Hoá học.

Thí sinh phải thi đủ 3 môn : Toán, Vật lý và Hoá học theo chương trình THPT và Bổ túc trung học hiện hành. Hình thức thi tự luận, thời gian thi 180 phút/môn

Trường có tổ chức ôn văn hoá cho thí sinh dự thi. Thời gian ôn luyện văn hoá từ tháng 3 năm 2014. Khoa Đại học Tại chức là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ tổ chức, thực hiện việc ôn luyện văn hoá cho thí sinh.

4. Thí sinh trúng tuyển và được xét tuyển thẳng

Căn cứ vào chỉ tiêu được Bộ Giáo dục và Đào tạo duyệt; số lượng thí sinh dự thi, chất lượng thi tuyển sinh và những vấn đề liên quan khác, Trường sẽ quyết định điểm chuẩn cho từng điểm thi. Mỗi kỳ thi có thể định điểm chuẩn chung hoặc điểm chuẩn chung kết hợp với điểm chuẩn theo chuyên ngành hoặc lấy điểm chuẩn riêng cho từng chuyên ngành đào tạo. Điểm chuẩn tối thiểu (tổng điểm 3 môn thi và điểm ưu tiên theo chính sách và điểm ưu tiên theo khu vực) là 12,0 điểm trong đó không có môn thi nào bị điểm 0 (không).

Thí sinh có đủ điều kiện dự thi, thi đủ 3 môn theo quy định thuộc diện xét tuyển.

Thí sinh thuộc diện xét tuyển sẽ được trường thông báo kết quả thi.

Thí sinh thuộc diện xét tuyển đạt điểm chuẩn quy định thì được trúng tuyển kỳ thi.

Thí sinh là anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, chiến sĩ thi đua toàn quốc (có quyết định của Thủ tướng Chính phủ); Thí sinh có văn bằng tốt nghiệp đại học của các trường đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có thể được xem xét tuyển thẳng theo khả năng tiếp nhận của trường.

Thí sinh trúng tuyển đến nhập học và học tập theo đúng kế hoạch đào tạo của trường.